

QUYỀN CON NGƯỜI THEO TƯ TƯỞNG CỦA V.I.LÊNIN - GIÁ TRỊ VÀ Ý NGHĨA THỜI ĐẠI

TƯỜNG DUY KIÊN*

Từ khóa: *V.I.Lênin, quyền con người, quyền dân tộc.*

Ngày nhận bài: 20/5/2020; ngày gửi phản biện: 21/5/2020; ngày duyệt đăng bài: 10/8/2020.

1. Giá trị tư tưởng của V.I.Lênin về quyền con người

1.1. Về quyền dân tộc tự quyết

V.I.Lênin chỉ rõ, trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, có hai xu hướng lịch sử trong vấn đề dân tộc là: a) Sự thức tỉnh của đời sống dân tộc và của các phong trào dân tộc; cuộc đấu tranh chống mọi ách áp bức dân tộc nhằm thiết lập các quốc gia dân tộc; b) Phát triển và tăng cường toàn diện quan hệ giữa các dân tộc, việc xóa bỏ những hàng rào ngăn cách các dân tộc và việc thiết lập sự thống nhất quốc tế của tư bản, của đời sống kinh tế nói chung, của chính trị, của khoa học,... (V.I.Lênin, 1980, tập 24, tr. 158). Theo ông, cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức phải gắn chặt với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh chung để giải phóng khỏi ách áp bức. Từ đó ông khẳng định: “Không có sự cố gắng tự nguyện tiến tới sự liên minh và sự thống nhất của giai cấp vô sản, rồi sau nữa, của toàn thể quần chúng cần lao thuộc tất cả các nước và các dân tộc trên toàn thế giới, thì không thể chiến thắng hoàn toàn chủ nghĩa tư bản được” (V.I.Lênin, 1977).

Trong tác phẩm *Về quyền dân tộc tự quyết*, V.I.Lênin khẳng định: “Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng; các dân tộc được quyền tự quyết; liên hợp công nhân tất cả các dân tộc lại” (V.I.Lênin, 1980, tập 38, tr. 136). “Người nào không thừa nhận và không bảo vệ quyền bình đẳng giữa các dân tộc,... không đấu tranh chống mọi áp bức hay mọi bất bình đẳng dân tộc, người đó không phải là người mác-xít, thậm chí cũng không phải là người dân chủ nữa” (V.I.Lênin, 1980, tập 38, tr. 136).

Quyền dân tộc tự quyết là tôn trọng nguyên tắc bình đẳng, công bằng về cơ hội và không có sự can thiệp đối với quyền của mỗi dân tộc trong việc tự do lựa chọn chế độ chính trị và thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa trên cơ sở chủ quyền quốc gia. Năm 1918, Tổng thống Hoa Kỳ Woodrow Wilson (1856-1924) coi trọng nguyên tắc quyền dân tộc tự quyết của các dân tộc tư bản thì vào năm 1920, V.I.Lênin yêu cầu phải bảo đảm quyền dân tộc tự quyết của các dân tộc phụ thuộc và thuộc địa. Do quyền dân tộc tự quyết của dân tộc - quốc gia chỉ thuộc về nhân dân nên quyền này có mối quan hệ mật thiết với quyền của nhân dân,

* PGS. TS.; Viện Quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

trước tiên và chủ yếu là người dân lao động, người dân bị áp bức trong các dân tộc phụ thuộc và thuộc địa. Như vậy, quan điểm của V.I.Lênin có giá trị thúc đẩy mạnh mẽ sự bình đẳng và tiến bộ xã hội trong quan hệ giữa các dân tộc.

1.2. Quyền dân chủ và chủ nghĩa xã hội

V.I.Lênin quan niệm: “Chế độ dân chủ không chỉ là việc thi hành có tổ chức, có hệ thống sự cưỡng bức đối với người ta,... mà chính thức thừa nhận quyền bình đẳng giữa những công dân, thừa nhận cho mọi người được quyền ngang nhau trong việc xác định cơ cấu nhà nước và quản lý nhà nước” (V.I.Lênin, 1980, tập 33, tr. 123). Theo V.I.Lênin, sự khác nhau giữa dân chủ vô sản và dân chủ tư sản là ở chỗ: Dân chủ tư sản nhận thức được về mặt hình thức những quyền tự do (như dưới chế độ đại nghị tư sản) trong khi dân chủ vô sản bảo đảm thực tế (chứ không phải trên giấy tờ) cho những người lao động... được hưởng quyền lợi một cách thực tế trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội (V.I.Lênin, 1980, tập 11, tr. 130)

Bởi lẽ, như V.I.Lênin nhấn mạnh, “chính bản thân địa vị của vô sản, với tư cách là một giai cấp, buộc họ phải trở thành những người dân chủ triệt để... Giai cấp vô sản chẳng mất gì ngoài xiềng xích nô lệ của mình, nhờ vào chủ nghĩa dân chủ, nó sẽ có được cả thế giới” (V.I.Lênin, 1980, tập 11, tr. 47 - 48). “Phát triển dân chủ đến cùng, tìm ra những hình thức phát triển ấy, đem thí nghiệm những hình thức ấy trong thực tiễn,... đó là một trong những nhiệm vụ cấu thành của cuộc đấu tranh vì cách mạng xã hội chủ nghĩa” (V.I.Lênin, 1980, tập 33, tr. 97). Chính sách của giai cấp vô sản cách mạng phải là “lãnh đạo toàn dân, và đặc biệt là lãnh đạo nông dân để giành lấy tự do hoàn toàn...” (V.I.Lênin, 1980, tập 11, tr. 133). V.I.Lênin cho rằng, “cách mạng dân chủ càng được thực hiện đầy đủ bao nhiêu thì cuộc đấu tranh mới càng diễn ra sớm, rộng lớn, rõ rệt và kiên quyết bấy nhiêu” (V.I.Lênin, 1980, tập 11, tr. 155). “Là những đại biểu của giai cấp tiên phong - theo Lenin - ... không hoài nghi, không do dự, chúng ta (Đảng Bolshevik Nga) phải đề ra trước toàn thể nhân dân những nhiệm vụ của một cuộc cách mạng dân chủ hết sức rộng lớn, hết sức mạnh bạo và hết sức chủ động” nhằm bảo đảm quyền lợi một cách thực tế cho đại đa số thành viên xã hội trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội (V.I.Lênin, 1980, tập 11, tr. 130).

1.3. Khái niệm giai cấp và quyền dân chủ

V.I.Lênin nêu định nghĩa về giai cấp trong tác phẩm *Sáng kiến vĩ đại* (năm 1919), gồm một hệ thống các tiêu chí phản ánh (những vấn đề căn bản) có tính nền tảng của đời sống xã hội. Chúng cho phép nhận diện chính xác tính đặc thù về địa vị xã hội, quan hệ lao động, lối sống, thu nhập và việc “tập đoàn lớn” chiếm đoạt lao động của tập đoàn khác,...”. Định nghĩa gồm 6 hàm nghĩa: (i) một tập đoàn to lớn, khác nhau về địa vị trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định; (ii) khác nhau về quan hệ trong tổ chức lao động xã hội; (iii) khác nhau về cách thức

hưởng thụ; (iv) khác nhau về phần của cải được hưởng; (v) có thể chiếm đoạt được lao động của tập đoàn khác; (vi) khác nhau trong một chế độ kinh tế - xã hội nhất định (V.I.Lênin, 1980, tập 39, tr. 17).

Với định nghĩa này, có thể phân tích sự phân hóa về lối sống qua sự “khác nhau về cách thức hưởng thụ”, quan hệ giàu nghèo qua sự “khác nhau về phần của cải được hưởng” hoặc đánh giá sự phân tầng xã hội qua “địa vị trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định”; và “khác nhau về quan hệ trong tổ chức lao động xã hội”;... Như vậy, trong quá trình tiến lên chủ nghĩa xã hội, hệ thống các tiêu chí đó cho phép đánh giá chế độ dân chủ được thực hiện bằng cách nào và mức độ ra sao.

V.I.Lênin nhấn mạnh rằng, “kẻ nào chỉ thừa nhận có đấu tranh giai cấp không thôi thì kẻ đó vẫn chưa phải là người mácxít... Đóng khung chủ nghĩa Mác trong học thuyết đấu tranh giai cấp là cắt xén, xuyên tạc chủ nghĩa Mác, thu nó lại thành cái mà giai cấp tư sản có thể tiếp nhận được” (V.I.Lênin, 1980, tập 33, tr. 42).

Theo V.I.Lênin, đấu tranh giai cấp phải gắn kết và hướng đến việc thiết lập và thực hiện nền dân chủ cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, tức nền dân chủ cho đại đa số thành viên xã hội.

1.4. Bảo đảm quyền lợi cho quần chúng nhân dân

Trên cơ sở của chủ nghĩa Mác, theo V.I.Lênin, đấu tranh giành lấy dân chủ, tức là giành lấy các quyền chính trị - xã hội, là mục tiêu đầu tiên và trọng yếu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ông khẳng định: dân chủ vô sản không chỉ mở rộng rất nhiều chế độ dân chủ, mà còn “lần đầu tiên biến thành chế độ dân chủ cho người nghèo, chế độ dân chủ cho nhân dân, không phải cho bọn nhà giàu” (V.I.Lênin, 1980, tập 33, tr. 109). Dân chủ vô sản “là dân chủ cho tuyệt đại đa số nhân dân” (V.I.Lênin, 1980, tập 33, tr. 109) nhằm hướng tới những mục tiêu “dân chủ tiên tiến”. “Giai cấp vô sản phải tiến hành cách mạng dân chủ tới cùng, bằng cách kéo đông đảo quần chúng nông dân theo mình...” (V.I.Lênin, 1980, tập 11, tr. 114).

Với thắng lợi Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, đã xuất hiện một nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới - Nước Cộng hòa Xô viết Liên bang Nga. Ngay sau khi giành thắng lợi, ngày 02/11/1917, Chính phủ Xô viết đã tuyên bố bản Tuyên ngôn về quyền của các dân tộc nước Nga. Tuyên ngôn khẳng định bốn nguyên tắc cơ bản của chính quyền Xô viết đối với các vấn đề dân tộc và quyền lợi của các dân tộc:

Một là, Bình đẳng và chủ quyền của các dân tộc;

Hai là, Quyền của các dân tộc nước Nga được tự quyết một cách tự do, kể cả việc tách ra và thành lập các quốc gia độc lập;

Ba là, Xóa bỏ tất cả các đặc quyền và hạn chế về dân tộc và tôn giáo - dân tộc;

Bốn là, Các dân tộc thiểu số và các nhóm dân chúng sống trên lãnh thổ nước Nga được phát triển tự do.

Đó là những nguyên tắc pháp lí quan trọng về vấn đề dân tộc. Trung thành với những nguyên tắc đó, Nhà nước Xô viết đã tán thành quyền tách ra của Ucraina, thừa nhận quyền độc lập của Phần Lan, Ba Lan,... xóa bỏ mọi hiệp ước bất bình đẳng của Chính phủ Nga hoàng trước đây đối với Thổ Nhĩ Kỳ, Ba Tư (Iran) và các nước khác¹.

Tiếp đó, tháng 01/1918, tại Đại hội Xô viết toàn Liên bang Nga lần thứ III đã thông qua bản “Tuyên ngôn về quyền lợi nhân dân lao động bị bóc lột” do V.I. Lênin tự tay khởi thảo. Với mục tiêu là xóa bỏ mọi chế độ người bóc lột người, xóa bỏ giai cấp, bản Tuyên ngôn được coi là Tuyên ngôn về quyền con người ở nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trong lịch sử nhân loại. Tuyên ngôn tuyên bố rõ quyền lợi kinh tế, xã hội, văn hóa cũng giống với quyền lợi công dân và quyền lợi chính trị, đều thuộc nội dung quyền con người. Tuyên ngôn đã trở thành cơ sở cho việc xây dựng và ban hành bản Hiến pháp đầu tiên của nước Nga Xô viết, được thông qua vào tháng 7/1918.

V.I. Lênin cho rằng, trong cuốn *Tư bản luận*, C.Mác đã chứng minh mạnh mẽ rằng để nảy mầm tư tưởng tự do và bình đẳng chính là sản xuất hàng hóa. Về bản chất, quyền con người phản ánh quan hệ xã hội nhất định, bởi “bản chất của con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó bản chất của con người là tổng hòa của những mối quan hệ xã hội” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995). Đây là cơ sở quan trọng để xem xét, đánh giá bản chất của quyền con người. Do vậy, với tư cách là quyền lợi của con người, quyền con người nhất định là cái cụ thể; sự ra đời, phát triển và thực hiện quyền con người phải dựa vào điều kiện kinh tế, xã hội nhất định, cơ bản là trong nền sản xuất hàng hóa.

Vì thế, từ khi thực hiện “Chính sách kinh tế mới”- NEP (năm 1921), thông qua sự phát triển các thành phần kinh tế theo cơ chế thị trường, các quyền dân sự, chính trị được bảo đảm trên thực tế ở nước Nga xô viết, như: quyền sống trong hòa bình, quyền bầu cử, ứng cử và tham gia quản lí nhà nước và xã hội (quyền kiểm kê, kiểm soát), quyền bãi miễn của cử tri đối với người trúng cử, quyền tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận, tự do báo chí, quyền phụ nữ, quyền trẻ em,... Đồng thời, nước Nga xô viết cũng bảo đảm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, như: quyền sở hữu đối với tư liệu sản xuất trên cơ sở “xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản”, quyền lao động, quyền trao đổi hàng hóa, quyền thừa kế, quyền được giáo dục, quyền hưởng thụ văn hóa,... trên cơ sở thống nhất giữa quyền và nghĩa vụ, quyền con người với quyền dân chủ với Nhà nước và pháp luật.

¹ “Cuộc cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917”, (<http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ho-so-su-kien-nhan-chung/su-kien-va-nhan-chung/cuoc-cach-mang-xa-hoi-chu-nghia-thang-muoi-nga-nam-1917-3320>).

Ý nghĩa của quyền dân chủ đối với chủ nghĩa xã hội theo V.I.Lênin: đấu tranh cho dân chủ là chuẩn bị cho chủ nghĩa xã hội; bảo đảm các quyền dân chủ (chính trị, dân sự) gắn với bảo đảm các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa thể hiện tính thực chất, toàn diện của bảo đảm quyền con người dưới chế độ chủ nghĩa xã hội.

2. Ý nghĩa thời đại của tư tưởng V.I.Lênin về quyền con người

Thứ nhất, quan điểm của V.I.Lênin về quyền dân tộc tự quyết góp phần hình thành quan điểm về quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc trong Hiến chương Liên hợp quốc.

Quan điểm của V.I.Lênin về quyền tự quyết của dân tộc - quốc gia chỉ thuộc về nhân dân đã góp phần để Hiến chương Liên hợp quốc năm 1945 hoàn thiện, Điều 55 khẳng định: Phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc. Quan hệ giữa các dân tộc được xác định trong Hiến chương Liên hợp quốc chính là quan hệ giữa các quốc gia độc lập, có chủ quyền; trong đó các dân tộc đa số và thiểu số đều bình đẳng để cùng hợp thành một dân tộc - quốc gia và mang tên gọi của đất nước mình.

Cũng chính từ nguyên tắc nền tảng này, cả hai công ước quốc tế về quyền con người năm 1966 đã đưa quyền tự quyết dân tộc vào Điều 1 của công ước như sau:

i) Mọi dân tộc đều có quyền tự quyết. Xuất phát từ quyền đó, các dân tộc tự do quyết định thể chế chính trị của mình và tự do phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa.

ii) Vì lợi ích của mình, mọi dân tộc đều có thể tự do định đoạt tài nguyên thiên nhiên và của cải của mình, miễn là không làm phương hại đến các nghĩa vụ phát sinh từ hợp tác kinh tế quốc tế mà dựa trên nguyên tắc các bên cùng có lợi và các nguyên tắc của luật pháp quốc tế. Trong bất kì hoàn cảnh nào cũng không được phép tước đi những phương tiện sinh tồn của một dân tộc (Viện Nghiên cứu Quyền con người, 2009, tr. 20).

Như vậy, chỉ các dân tộc - quốc gia mới có quyền tự quyết định vận mệnh của mình. Quyền dân tộc tự quyết chỉ thuộc về nhân dân; tức là tất cả dân cư thường xuyên sinh sống trên lãnh thổ của dân tộc - quốc gia mới là chủ thể cơ bản của pháp luật quốc tế.

Thứ hai, Hồ Chí Minh kế thừa, phát triển tư tưởng của V.I.Lênin về quyền dân tộc tự quyết và tư tưởng quyền “tự nhiên” của mỗi cá nhân thành quyền độc lập - tự do của mỗi dân tộc.

Hồ Chí Minh công bố bản Tuyên ngôn độc lập ngày 02/9/1945, đã kế thừa, phát triển tư tưởng của V.I.Lênin về quyền dân tộc tự quyết và ý tưởng quyền “tự nhiên” của mỗi cá nhân trong bản Tuyên ngôn độc lập của Mĩ (1776), Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của cách mạng Pháp (1789) thành quyền độc lập, tự do của mọi dân tộc. Từ quyền cá nhân nâng lên thành quyền của quốc gia, dân tộc, rằng

“Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.... Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới sinh ra đều bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 4, tr. 1). Như vậy, từ những quyền tự nhiên, cơ bản của cá nhân được mở rộng thành quyền dân tộc; từ quyền con người trừu tượng thành quyền của quốc gia, dân tộc được sống trong độc lập, tự do; và dựa trên cơ sở pháp lý về quyền “tự nhiên” đến chỗ khẳng định quyền đấu tranh “chống áp bức” của các dân tộc thuộc địa. Tuyên ngôn có đoạn “dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 4, tr. 3). Từ tư tưởng độc lập, tự do cho dân tộc đã trở thành khát vọng cháy bỏng trong mỗi con người Việt Nam yêu nước, và “toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 4, tr. 3).

Thứ ba, gắn kết quyền dân tộc tự quyết với quyền dân tộc - tộc người và quyền con người nói chung ở Việt Nam.

Việc gắn quyền dân tộc với quyền con người đã tạo cơ sở lí luận - thực tiễn xem xét và giải quyết hài hòa, đúng đắn mối quan hệ giữa quyền dân tộc - quốc gia và dân tộc tộc người ở nước ta. Theo đó, các dân tộc tộc người hay dân tộc thiểu số (và tất cả các cộng đồng khác) đều được tôn trọng, bảo vệ, thực hiện và thúc đẩy quyền bình đẳng, tương trợ, đoàn kết,... trong quá trình bảo đảm quyền dân tộc tự quyết ở Việt Nam. Việt Nam là quốc gia có 54 dân tộc cùng sinh sống. Do ý thức được vị trí và tầm quan trọng đối với sự phát triển của đất nước, ngay từ những ngày đầu của cách mạng giải phóng dân tộc cũng như trong thời kì xây dựng đất nước, Hồ Chủ tịch và Đảng ta luôn vận dụng sáng tạo những chỉ dẫn của V.I.Lênin về vấn đề dân tộc phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Từ việc gắn quyền dân tộc - quốc gia với quyền con người, nên Đảng, Nhà nước Việt Nam kiên trì thực hiện việc gắn kết quyền dân tộc tự quyết với quyền dân tộc - tộc người và quyền con người nói chung, trên cơ sở: (i) Đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước luôn xuất phát từ nhu cầu hướng đến đời sống tốt đẹp cho tất cả những người lao động ở tất cả các dân tộc - tộc người, đại đoàn kết và thống nhất trong một dân tộc - quốc gia Việt Nam; (ii) Quyền dân tộc - tộc người nói riêng và dân tộc - quốc gia Việt Nam nói chung đều gắn kết và dựa trên quyền con người gồm cả quyền cá nhân và quyền tập thể; (iii) Xây dựng Nhà nước theo nguyên tắc “trăm điều phải có thần linh pháp quyền” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 1, tr. 473) và “sửa sang thể đạo kinh dinh nhân quyền” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 2, tr. 502) theo tư tưởng Hồ Chí Minh;

(iv) Không quên, không bỏ lại ai ở phía sau, mà bảo đảm quyền của mọi chủ thể quyền (nhi đồng, thiếu niên, thanh niên, phụ nữ, các bậc phụ lão, công nhân, nông dân, bộ đội, trí thức, doanh nhân, phạm nhân,...), đặc biệt trong điều kiện phân hóa giàu nghèo, phân hóa xã hội theo cơ chế thị trường hiện nay, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị; (v) Bảo đảm quyền dân tộc tự quyết của nhân dân Việt Nam đồng thời tôn trọng quyền dân tộc tự quyết của các dân tộc khác.

Phát huy tư tưởng Hồ Chí Minh về “Đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc, cùng xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc; đồng thời giữ gìn và phát huy bản sắc tốt đẹp của mỗi dân tộc là chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991, tr. 77), trở thành quan điểm chỉ đạo trong xây dựng đường lối, chính sách giữa các dân tộc - tộc người trong quá trình phát triển đất nước. Tư tưởng “đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết” dân tộc của Hồ Chí Minh được vận dụng trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội không chỉ ở trong nước mà cả với người Việt Nam ở nước ngoài, nhằm sử dụng sức mạnh tổng hợp các nguồn lực để xây dựng và bảo vệ đất nước.

Thứ tư, quyền dân chủ và quyền con người thể hiện sự thống nhất giữa quyền công dân và quyền con người nói chung ở Việt Nam.

Vận dụng, phát triển sáng tạo quan điểm của V.I.Lênin về quyền dân chủ dưới chế độ chủ nghĩa xã hội, Đảng và Hồ Chí Minh sử dụng cả hai thuật ngữ nhân quyền và dân quyền (quyền công dân). Bản Luận cương Cách mạng Việt Nam năm 1951 đã khẳng định rõ mục tiêu của cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo là “Bảo vệ chính quyền nhân dân, bảo vệ quyền lợi của dân và bảo đảm công dân làm tròn nghĩa vụ với Tổ quốc. Quyền lợi đó là được hưởng nhân quyền, dân quyền và tài quyền. Nghĩa vụ đó là bảo vệ đất nước, ủng hộ chính quyền nhân dân, đóng góp cho công quỹ, giữ gìn và phát triển tài sản chung của quốc gia” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1951, tập 12, tr. 105).

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Người luôn luôn coi trọng mối quan hệ thống nhất giữa quyền con người và quyền công dân, nhằm thực hiện quyền độc lập, tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của mỗi người dân Việt Nam trên cơ sở bảo đảm quyền dân tộc - quốc gia Việt Nam. Mặc dù tính thống nhất của các quyền con người và quyền công dân là điều ghi nhận các quyền cá nhân của con người, song Hồ Chủ tịch và Đảng ta không đồng nhất hai khái niệm đó trên cả hai phương diện: chủ thể của quyền và nội dung của quyền.

- *Về chủ thể của quyền*, ngoài công dân Việt Nam, Hồ Chí Minh rất chú ý đến những người không phải là công dân như tù binh, hàng binh nước ngoài, người nước ngoài, Việt kiều và phạm nhân - những người bị pháp luật tước quyền công dân. Chẳng hạn, Người tặng áo cho hàng binh bị rét trong Chiến dịch biên giới (1950); hay đặt niềm tin về tính thiện trong tiềm thức sâu sa của những tù thường phạm.

Đặc biệt, Hồ Chí Minh yêu quý và đặt niềm tin vào các cháu nhi đồng, thiếu niên - những người chưa đủ tuổi được thụ hưởng và thực hiện quyền công dân.

- *Về nội dung của quyền*, trong Nghị quyết của Quốc dân Đại hội Tân Trào (8/1945) do Hồ Chí Minh chủ trì biên soạn đã phân biệt nội dung dân quyền gồm: “quyền phổ thông đầu phiếu, quyền tự do dân chủ (tự do tín ngưỡng, tự do tư tưởng, ngôn luận, hội họp, đi lại), dân tộc bình quyền, nam nữ bình quyền” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2000, tập 7, tr. 560). Nhìn chung, thông qua các bản Hiến pháp, như Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 2013 có thể thấy Hồ Chí Minh và Đảng ta phân chia nội dung các quyền con người gồm: Các quyền tự do dân chủ về chính trị; Các quyền dân sự hay các quyền tự do cá nhân; và Các quyền về kinh tế - xã hội.

Việc hợp pháp hóa quyền con người bằng quy định pháp lý là dấu hiệu đặc trưng của quyền con người so với các khái niệm khác liên quan đến đời sống xã hội của con người, như nhu cầu, lợi ích, đạo đức,... Ở nước ta, quyền con người và quyền công dân, cơ bản và chủ yếu phải được ghi nhận trong các văn bản pháp lý (Hiến pháp, luật pháp) theo phương châm: “Bảy xin hiến pháp ban hành, Trăm điều phải có thần linh pháp quyền” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 1, tr. 473). Bởi lẽ thông qua đó, các giá trị của con người mới trở thành quyền năng, trách nhiệm được xác định và được bảo đảm về pháp lý trong thể chế chính trị - xã hội, để có thể hiện thực hóa trong xã hội. Thông qua đó cũng hợp pháp hóa việc nhân dân được tham gia vào các công việc nhà nước; tức là quyền con người, quyền công dân được thực thi bằng phương thức dân chủ, như cơ chế bầu cử, ứng cử, bãi miễn, kiểm tra, phân công giám sát bộ máy nhà nước.

Nhưng đối với Hồ Chí Minh và Đảng ta, việc ghi nhận quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp và pháp luật là chưa đủ. Bởi vì, quyền con người nói chung, trong đó có quyền công dân, là một thể thống nhất như chính bản thân con người với tư cách là một chủ thể “tổng hòa các quan hệ xã hội”, vừa cụ thể với những nội dung hiện thực theo yêu cầu của cuộc sống thực tế, vừa là xu hướng với những hoài bão, lí tưởng độc lập, tự do, hạnh phúc của con người. Cho nên Hồ Chí Minh và Đảng ta cũng coi trọng việc kế thừa, phát huy vai trò điều chỉnh của hương ước, luật tục có tính tự quản của làng, bản, buôn, ấp. Hiện nay, thực hành tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và quyền con người đã và sẽ là nền tảng và kim chỉ nam trong quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân, do dân, vì dân.

Thứ năm, quyền dân chủ và quyền con người phải được thực hành bằng phương thức dân chủ.

- *Đối với Đảng*: Vận dụng, phát triển sáng tạo quan điểm của V.I.Lênin về Đảng “phải đề ra trước toàn thể nhân dân những nhiệm vụ của một cuộc cách mạng

dân chủ hết sức rộng lớn, hết sức mạnh bạo và hết sức chủ động”, Hồ Chí Minh và Đảng ta cho rằng, để bảo đảm dân chủ trong xã hội, Đảng cầm quyền phải trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và phải gắn bó mật thiết với nhân dân. Đảng phải lo cho dân, từ đời sống kinh tế, văn hóa đến phát triển con người; và Đảng phải thực hành dân chủ trong Đảng, nhằm bảo đảm dân chủ, quyền con người một cách thực tế cho mọi người dân trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội.

- *Đối với nhân dân*: Nhân dân phải được tham gia vào “công việc nhà nước”, nhằm thực hiện quyền lực của mình. Theo Hồ Chí Minh, “nhà nước của ta là nhà nước dân chủ”, cho nên “Đảng cầm quyền”, nhưng dân là chủ. “Mọi quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”, “công việc đổi mới, xây dựng đất nước là trách nhiệm của dân”. Nhân dân tham gia vào công việc nhà nước theo nguyên tắc “đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân... Chính phủ chỉ giúp kế hoạch cổ động” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 13, tr. 93 - 97).

- *Đối với nhà nước*: Hồ Chí Minh đòi hỏi, mọi hoạt động của Nhà nước đều phải xuất phát từ nhân dân lao động và vì lợi ích của nhân dân lao động theo nguyên tắc: “Việc gì có lợi cho dân, thì phải làm cho kì được. Việc gì có hại cho dân, thì phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 4, tr. 152). Người yêu cầu Chính phủ phải làm gương; và nếu không làm gương thì phải dùng pháp luật để trị, đặc biệt đối với những kẻ hối lộ, tham nhũng. Hồ Chí Minh đòi hỏi cán bộ tư pháp thực hiện nguyên tắc “phụng công, thủ pháp, chí công vô tư”, để bảo đảm tính nghiêm minh, “không trừ một ai” trong thi hành pháp luật, nhằm phụng sự nhân dân.

Trong thời kì đổi mới, Điều 3 của Hiến pháp năm 2013 chế định rõ chức năng của Nhà nước phục vụ nhân dân, là: “Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; công nhận, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện” (Hoàng Thế Liên, 2015, tr. 336). Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, theo Hiến pháp năm 2013, chủ quyền của nhân dân được đề cao ngay từ Lời nói đầu cho đến Điều 2 của Hiến pháp. Nếu Điều 6 Hiến pháp 1992 chỉ quy định nhân dân sử dụng quyền lực thông qua người đại biểu dân cử của mình bằng hình thức dân chủ đại diện, thì Điều 6 Hiến pháp năm 2013 chế định: Nhân dân thực hiện quyền dân chủ trực tiếp; thực hiện quyền qua dân chủ đại diện, thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các cơ quan khác của nhà nước (Hoàng Thế Liên, 2015, tr. 337).

Trách nhiệm của Nhà nước là tôn trọng và phục vụ nhân dân nhằm bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Sở dĩ, mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa coi trọng dân chủ và con người, bởi lẽ, dân chủ gắn với quyền con người

là bảo đảm các quyền chính trị, dân sự gắn với bảo đảm quyền con người nói chung, đặc biệt quyền bình đẳng, không phân biệt đối xử trong việc tham gia vào các công việc của Nhà nước. Dân chủ gắn với quyền con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực cho phát triển bền vững của Việt Nam. Thông qua đó, các quyền cá nhân, tập thể được bảo đảm trên cơ sở các quyền dân chủ (chính trị, dân sự) và các quyền con người khác. Bảo đảm quyền và lợi ích cho đại đa số thành viên xã hội, đặc biệt trong việc tham gia vào các công việc quản lý nhà nước, trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; có chú ý ưu tiên tối ưu quyền phát triển, quyền của các nhóm yếu thế. Nhà nước có nghĩa vụ chính trong bảo đảm dân chủ quyền con người cho nhân dân.

Tài liệu tham khảo

1. C.Mác và Ph.Ăngghen. 1995. *Toàn tập*, tập 3. Nxb. Chính trị quốc gia.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. 1951. *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 12. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. 1991. *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. Nxb. Sự thật. Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2000. *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam. “Cuộc cách mạng tháng 10 Nga năm 1917”. Trích đăng theo cuốn *Lịch sử thế giới hiện đại*, (<http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ho-so-su-kien-nhan-chung/su-kien-va-nhan-chung/cuoc-cach-mang-xa-hoi-chu-nghia-thang-muoi-nga-nam-1917-3320>).
6. Hồ Chí Minh. 1995. *Toàn tập*, tập 2. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội.
7. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*, tập 1, 2, 4, 13. Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật. Hà Nội.
8. Hoàng Thế Liên (chủ biên). 2015. *Hiến pháp năm 2013 - những điểm mới mang tính đột phá* (Sách chuyên khảo). Nxb. Tư pháp. Hà Nội.
9. V.I.Lênin, 1977. *Toàn tập*, tập 41. Nxb Tiến bộ. Mátxcova.
10. V.I.Lênin. 1980. *Toàn tập*, tập 11, 24, 33, 38, 39. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội.
11. Viện Nghiên cứu Quyền con người. 2009. *Một số văn kiện của Liên hợp quốc về quyền con người trong quản lý tư pháp* (sách tham khảo). Nxb. Công an nhân dân.